| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 814/2023/HCPT
Ngày 08 tháng 11 năm 2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Việt Hà;
*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Đặng Đình Lực.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 536/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc "Khiếu kiện hủy Quyết định hành chính", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12204/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

* ***Người khởi kiện***: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1941; địa chỉ: Số nhà A, ngõ E, tổ A, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Lê Hữu L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà A đường M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Xuân H – Chức vụ: Phó Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (Trước đây là Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố V, tỉnh Phú Thọ).

Địa chỉ: Nối H, N, Phường D, Thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Phạm Ngọc K – Phó Giám đốc Trung tâm; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Trung K1 – Chức vụ: Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày*:

Bà X có đơn khiếu nại về việc Nhà nước thu hồi thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18, tổng diện tích 1243m$^2$ đất nông nghiệp của bà để thực hiện dự án quy hoạch chi tiết tái định cư xây dựng đường T, đoạn A7-H7 khu vực đồi L, phía sau Bệnh viên y học cổ truyền thuộc khu 4 đồi Lăng Cẩm theo Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 23/9/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và Quyết định số 3933a/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, những nội dung nêu trên theo tờ khai kiểm kê bồi thường giải phóng mặt bằng và Biên bản kiểm kê năm 2012. Gia đình bà X không nhận được các Quyết định này.

Đến ngày 17/6/2017 Ủy ban nhân dân thành phố V mới ban hành Quyết định số 5453/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình bà X để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu D, đồi L thành phố V. Gia đình bà X không nhận được quyết định này, sau đó bà X có đơn khiếu nại vì nhận thấy mục đích thu hồi đất của gia đình bà X có sự thay đổi mà gia đình bà X không được biết, từ thu hồi để làm khu tái định cư, sau đó lại chuyển thành đất ở theo Quyết định số 7718/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND thành phố V.

Ngày 05/5/2020 Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Văn bản số 1217/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của bà X với nội dung thu hồi đất của bà X để bán đấu giá.

Như vậy là Nhà nước thu hồi đất của bà X đã 3 lần thay đổi mục đích; đầu tiên là xây dựng khu tái định cư, sau đó là đất ở và cuối cùng là bán đấu giá. Gia đình bà X không đồng ý vì vi phạm Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai.

Vì lý do bà X không nhận được các Quyết định 5453/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; Quyết định số 8419/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND thành phố V, Thông báo số 200/TB-UBND ngày 17/3/2016 của UBND thành phố V.

Đến khi nhận được Văn bản số 1217/UBND -TNMT ngày 05/5/2020 của UBND thành phố V bà X mới biết Nhà nước thu hồi đất của bà để bán đấu giá. Không đồng ý với văn bản này bà X đã có đơn khiếu nại nhưng không được Ủy ban nhân dân thành phố V giải quyết nên tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ. Ngày 24/9/2020 Ban tiếp công dân tỉnh có văn bản số 398/BTCD-XLĐ về việc xử lý đơn, sau đó bà X lại viết đơn theo hướng dẫn của Ban tiếp công dân tỉnh. Ngày 26/11/2020 Thanh tra thành phố có giấy mời số 41/GM-TTr với nội dung mới bà X đến làm việc. Ngày 02/12/2020 Thanh tra

thành phố V có biên bản làm việc. Thanh tra thành phố cho rằng đã hết thời hiệu khiếu nại là không đúng vì gia đình bà X không nhận được Quyết định nào của Uỷ ban nhân dân thành phố, cũng tại biên bản làm việc này bà X đề nghị được giao 04 ô đất trên tổng số diện tích 1243m$^2$ đất nông nghiệp Nhà nước thu hồi của bà để bán đấu giá.

Ngày 22/11/2021 Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành văn bản số 3141/UBND-TNMT với nội dung trả lời gia đình bà X không đủ điều kiện để giao đất ở. Nhận thấy Nhà nước thu hồi đất của bà để bán đấu giá là trái quy định của pháp luật, do vậy bà X làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy văn bản số 3141/UBND-TNMT ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân; đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V giao 04 ô đất tại vị trí đất thu hồi cho gia đình bà.

*Ông Phạm Xuân H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ - là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố V trình bày:* Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tại khu D, đồi L, phường G, thành phố V được thực hiện theo Quyết định số 7718/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND thành phố V.

Thực hiện dự án trên, ngày 17/3/2016 Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Thông báo số 200/TB-UBND Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu D, đồi L thành phố V, trong đó thu hồi đất của hộ Nguyễn Thị X 1243,0m$^2$ đất nông nghiệp (đất BHK).

Ngày 17/6/2017 Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 5453/QĐ-UBND về việc thu hồi 1243,0m$^2$ đất nông nghiệp (đất BHK) của hộ Nguyễn Thị X. Hộ bà Nguyễn Thị X đã chấp hành kê khai kiểm đếm đất đai và được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 8419/QĐ-UBND ngày 25/10/2016, bà X đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ số tiền 132.394.416đ.

Đến tháng 4/2020 bà X có đơn đề nghị xem xét trả lại đất đã thu hồi và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T tại Văn bản số 1217/UBND - TNMT là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Không đồng ý nội dung trả lời, bà X tiếp tục có đơn đề nghị được giao 04 ô đất tái định cư tại vị trí thửa đất gia đình bà bị thu hồi và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không có cơ sở giải quyết tại Văn bản số 3141/UBND-TNMT ngày 22/11/2021, cụ thể như sau:

Theo Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 về Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định:

*"2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất"*

Theo Khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định:

*2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất*".

Theo quy định trên, hộ bà Nguyễn Thị X bị thu hồi đất nông nghiệp (đất BHK), không thu hồi đất ở, không phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án nên không đủ điều kiện được giao đất ở.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị X khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử vụ án theo quy định pháp luật và xét xử vắng mặt.

*Ông Phạm Ngọc K - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V - là người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (trước đây là Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố V, tỉnh Phú Thọ) trình bày*: Trình tự thủ tục thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án: Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 23/8/2002 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu tái định cư khu vực Đồi L, phường G, thành phố V;

Căn cứ Quyết định số 7904/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 của UBND thành phố V về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tự xây tại khu Bệnh viện cũ thuộc khu D, phường G, thành phố V; Quyết định số 7718/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND thành phố V về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thành đất ở dân cư tại khu D, Đồi L, phường G, thành phố V; Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND thành phố V về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thành đất ở dân cư tại khu D, Đồi L, phường G, thành phố V; Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tự xây tại khu Bệnh viện cũ thuộc khu D, phường G, thành phố V; Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc Thành lập tổ kiểm đếm dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tự xây tại khu Bệnh viện cũ thuộc khu D, phường G, thành phố V; Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tự xây tại khu Bệnh viện cũ thuộc khu D, phường G, thành phố V; Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc kiện toàn tổ kiểm đếm dự án: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tự xây tại khu Bệnh viện cũ thuộc khu D, phường G, thành phố V; Thông báo số 200TB-UBND ngày 17/3/2016 của

UBND thành phố V về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tại khu D đồi L, phường G, thành phố V;

Thực hiện Kế hoạch số 504/KH-HĐ ngày 17/3/2016 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đô đạc, kiểm đếm, bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tại khu D đồi L, phường G, thành phố V.

Quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Sau khi có thông báo thu hồi đất của dự án Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã phối hợp với UBND và các ban ngành đoàn thể của phường G tổ chức Hội nghị với các hộ dân bị thu hồi đất trong dự án thuộc địa bàn phường G để thực hiện việc công bố công khai quy hoạch và phổ biến chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 17/3/2016 UBND thành phố V đã ban hành Thông báo số 200/TB-UBND thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đối với thửa đất số 7-3 và thửa 21 thuộc tờ bản đồ số 17 và tờ bản đồ số 18 thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị X có địa chỉ thường trú tại khu D, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trong đó: Diện tích dự kiến thu hồi là 1.243m$^2$ đất (Loại đất sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác - BHK).

Sau khi có thông báo thu hồi đất Tổ kiểm đếm đã có mặt tại hiện trường khu đất bị thu hồi để thực hiện việc kiểm đếm về đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 7-3 và thửa đất số 21 thuộc tờ bản đồ số 17 và bản đồ số 18 của hộ bà Nguyễn Thị X chủ hộ đã phối hợp và đồng ý nhất trí cho kê khai, kiểm đếm.

Ngày 12/9/2016 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC thành phố đã lập dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị X.

Ngày 16/9/2016 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC thành phố đã ban hành thông báo số 226/TB-HĐBT niêm yết công khai dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị X niêm yết tại UBND phường G và Nhà văn hóa khu D, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ngày 06/10/2016 đi niêm yết công khai và có lập biên bản niên yết dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ dự án đến ngày 12/10/2016 các hộ đã đồng ý và đã nộp lại dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ và không có ý kiến gì có lập biên bản kết thúc niêm yết.

Ngày 25/10/2016 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8419/QĐ-UBND về việc duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tại khu Bệnh viện cũ thuộc khu D, phường G, thành phố V (đợt 1). Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị X là: 132.394.416đ *(trong đó: Bồi thường về đất: 47.283.720,0đ; Bồi thường chi phí đầu tư vào đất: 14.185.116,0đ; Hỗ trợ, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:70.925.580,0đ)* và ban hành Quyết định số 8492/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ Nguyễn Thị X, phường G để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật đất ở dân cư

tại khu D, đồi L, phường G, thành phố V. Với tổng diện tích đất thu hồi là: 1.243m$^2$ *(trong đó: Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18 với diện tích cả thửa là: 1.198,2 m$^2$, diện tích thu hồi là: 1.198,2 m$^2$, loại đất: BHK và Thửa đất số 7-3. Tờ bản đồ số 17, với diện tích cả thửa: 44,8 m$^2$, diện tích đất thu hồi là: 44,8 m$^2$, loại đất: BHK)*.

Ngày 27/6/2017 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5426/QĐ-UBND về vệc duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tại khu Bệnh viện cũ thuộc khu D, phường G, thành phố V (đợt 1) thay thế Quyết định số 8419/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND thành phố V. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị X là: 132.394.416đ *(trong đó: Bồi thường về đất: 47.283.720,0đ; Bồi thường chi phí đầu tư vào đất: 14.185.116,0đ; Hỗ trợ, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:70.925.580,0đ)* và ban hành Quyết định số 5453/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ Nguyễn Thị X, phường G để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật đất ở dân cư tại khu D, đồi L, phường G, thành phố V.Thay thế Quyết định số 8492/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND thành phố V. Với tổng diện tích đất thu hồi là: 1.243m$^2$ *(trong đó: Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18 với diện tích cả thửa là: 1.198,2 m$^2$, diện tích thu hồi là: 1.198,2 m$^2$, loại đất: BHK và Thửa đất số 7-3. Tờ bản đồ số 17, với diện tích cả thửa: 44,8 m$^2$, diện tích đất thu hồi là: 44,8 m$^2$, loại đất: BHK)*.

*Lý do phải phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định thu hồi đất:* Ngày 27/3/2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 648/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với 02 dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở dân cư tại khu D, phường G điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thành đất ở dân cư tại khu D đồi L, phường G; Mở rộng Trường cao đẳng N, phường V, thành phố V.

Ngày 25/9/2018 UBND phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ làm chủ đầu tư đã tổ chức chi trả tiền cho bà Nguyễn Thị X, có địa chỉ tại: Khu D, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Bà Nguyễn Thị X đã nhận tiền với số tiền đã được phê duyệt là: 132.394.400,0đ *(bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm chín mười bốn nghìn bốn trăm đồng chẵn)* bà Nguyễn Thị X đã nhận đủ số tiền nêu trên và không có ý kiến, khiếu nại gì và đã cam kết và ký vào biên bản giao nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất dự án-khu 4 (đợt 1) tại phiếu chi số PC 196 ngày 25/9/2018 và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện thi công công trình đúng theo quy định.

- *Quá trình giải quyết đơn:* Đến tháng 4/2020 bà X có đơn đề nghị xem xét trả lại đất đã thu hồi và được Chủ tịch UBND thành phố trả lời tại Văn bản số 1217/UBND –TNMT ngày 05/5/2020 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ngày 02/12/2020 Chủ tịch UBND thành phố V giao cho Thanh tra thành phố đề xuất xử lý đơn của bà Nguyễn Thị X, số nhà A, ngõ E, tổ A, khu H, phường G, thành phố V, bà Nguyễn Thị X không đồng ý nội dung trả lời, bà X tiếp tục có đơn đề nghị được giao 04 ô đất tái định cư tại vị trí thửa đất gia đình bà bị thu hồi và đã được Chủ tịch UBND thành phố trả lời không có cơ sở giải quyết tại Văn bản số 3141/UBND-TNMT ngày 22/11/2021. Theo khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 về Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Theo quy định nêu trên, hộ bà Nguyễn Thị X bị thu hồi đất nông nghiệp (đất BHK), không thu hồi đất ở, không phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án. Do vậy nội dung đề nghị của bà X không đủ điều kiện được giao đất ở.

- *Về quan điểm:* Về nội dung bà Nguyễn Thị X đề nghị được giao 04 ô đất tại vị trí đất của gia đình. Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 74; khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 về Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Từ những căn cứ nêu trên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V có quan điểm đề nghị:

- Giữ nguyên Quyết định số: 5426/QĐ-UBND Ngày 27/6/2017 của UBND thành phố V về việc duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất dự án và Quyết định số 5453/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ Nguyễn Thị X, phường G để thực hiện dự án nêu trên.

- Giữ nguyên Văn bản số: 3141/UBND-TNMT ngày 22/11/2021 của UBND thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân đối với bà Nguyễn Thị X.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định chấm dứt thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị X theo quy định.

*Ông Nguyễn Trung K1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND phường G - là người đại diện theo ủy quyền của UBND phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trình bày:* Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dân cư tại khu D, đồi L, phường G, thành phố V được thực hiện theo Quyết định số 7718/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND thành phố V.

Thực hiện dự án trên, ngày 17/3/2016 UBND thành phố V đã ban hành Thông báo số 200/TB-UBND Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu D, đồi L, thành phố V, trong đo thu hồi đất của hộ Nguyễn Thị X 1243,0 $m^2$ đất nông nghiệp (Đất BHK)..

Ngày 27/6/2017 UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 5453/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.243$m^2$ đất nông nghiệp (Đất BHK) của hộ Nguyễn Thị X. Hộ bà Nguyễn Thị X đã chấp hành kê khai kiểm đếm đất đai và được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 8419/QĐ-UBND ngày 25/10/2016, bà X đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ số tiền

132.394.416 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu, ba trăm chín mươi tư ngàn, bốn trăm mười sáu ngàn đồng*).

Theo quy định bà Nguyễn Thị X bị thu hồi đất nông nghiệp (đất BHK), không thu hồi đất ở, không phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án nên không đủ điều kiện được giao đất ở.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị X đề nghị Tòa án Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ hủy văn bản số 3141/UBND-TNMT ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết đơn. Đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V trả lại cho gia đình bà X 04 ô đất trong tổng số 1.243m$^2$ mà Ủy ban nhân dân thành phố V thu hồi để bán đấu giá. Ông K1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu hủy Văn bản số 3141/UBND-TNMT ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân; đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V giao 04 ô đất tại vị trí đất thu hồi cho gia đình bà.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị X và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Gia đình bà X có thửa đất 1243m$^2$ đất nông nghiệp do cha ông để lại. Ngày 17/3/2016 Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Thông báo số 200/TB-UBND Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu D, đồi L thành phố V, trong đó thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị X 1.243m$^2$ đất nông nghiệp (đất BHK). Gia đình bà X nhận tiền đền bù nhưng sau đó phát hiện ra nhà nước thu hồi để bán đấu giá nên gia đình bà X làm đơn khiếu nại. Sau đó bà đơn tiếp tục làm đơn khiếu nại và ngày 22/11/2021, UBND thành phố V có Văn bản 3141 về việc giải quyết đơn của bà X. Nhà nước không thu hồi đất ở nên không được

xuất tái định cư. Nên bà X khởi kiện QĐ3241 và yêu cầu cấp cho 4 lô đất, để các con của bà có chỗ ở.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Người khởi kiện và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị X; giữ nguyên Bản án số 11/2023/HC-ST ngày 22/5/2023 của TAND tỉnh Phú Thọ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, quan điểm của Kiểm sát viên, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị X nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu hủy Văn bản số 3141/UBND-TNMT ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân; đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V giao 04 ô đất tại vị trí đất thu hồi cho gia đình bà, thấy:

[2.1]. Bà X không đồng ý việc Nhà nước thu hồi đất của gia đình bà để bán đấu giá:

Căn cứ các Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 23/8/2002 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu tái định cư khu vực Đ, phường G, thành phố V; Ngày 14/7/2014, UBND tỉnh Phú Thọ ban hành văn bản số 2869/UBND-KT2 về việc điều chỉnh quy hoạch đất ở dân cư tại khu D và khu A thuộc phường G, thành phố V. Ngày 06/9/2014, UBND thành phố V có Quyết định 7718 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thành đất ở dân cư tại khu D, đồi L, phường G, thành phố V. Quyết định

số 3008/QĐ-UBND tỉnh ngày 04/12/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 thành phố V; Nghị Quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015; Quyết định số 2055/QĐ-UBND tỉnh ngày 11/8/2017 về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao cho phường G thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở để giao đất và đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đ, phường G, thành phố V của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Ngày 17/3/2016 Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Thông báo số 200/TB-UBND Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu D, đồi L thành phố V, trong đó thu hồi đất của hộ Nguyễn Thị X 1.243m$^2$ đất nông nghiệp (đất BHK). Ngày 12/9/2016, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố đã lập dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị X, chủ hộ bà X đã ký.

Ngày 16/9/2016 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng có Thông báo 226/TB-HĐBT niêm yết công khai Dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị X tại Ủy ban nhân dân phường G và Nhà văn hóa khu D phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, các hộ đã đồng ý có bà Phạm Thị B là người đại diện người có đất bị thu hồi ký biên bản kết thúc niêm yết.

Ngày 27/6/2017 Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 5453/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.243m$^2$ đất nông nghiệp (đất BHK) của hộ Nguyễn Thị X.

Ngày 27/6/2017, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5426/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất dự án Xây dựng công trình hạ tầng Kỹ thuật khu đất ở dân cư tại khu D, phường G.Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị X là 132.394.416đ (trong đó bồi thường về đất 47.283.720đ; bòi thường chi phí đầu tư vào đất 14.185.116đ; Hỗ trợ, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc là 70.925.580đ). Các hộ dân này đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện trên dự án trong đó có hộ bà Nguyễn Thị X đã nhận tiền hỗ trợ, bồi thường không có ý kiến, khiếu nại gì và đã cam kết, ký vào biên bản giao nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất dự án- khu 4 (đợt 1) tại Phiếu chi ngày 25/9/2018 với số tiền là 132.394.416đ và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện thi công công trình đúng theo quy định.

Đến ngày 25/3/2020, bà X có đơn gửi Chủ tịch UBND thành phố V về việc xem xét lại việc thu hồi đất của gia đình bà. Ngày 05/05/2020, Chủ tịch UBND thành phố V có Văn bản số 1217 trả lời việc bà X đề nghị xem xét lại việc thu hồi đất đối với thửa đất bị thu hồi và giao lại cho gia đình bà sử dụng là không có cơ sở. Đến thời điểm này, gia đình bà mới biết thu hồi đất để bán đấu giá, bà không đồng ý với việc thu hồi để bán đấu giá, gia đình bà đã có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ đề nghị giải quyết. Ngày 26/11/2020, Thanh tra thành phố V mời bà lên làm việc. Tại Biên bản làm việc ngày 02/12/20220, Thanh tra thành phố V cho rằng đơn của bà đã hết thời hiệu theo quy định, tại

biên bản này bà X đề nghị giao cho gia đình bà 04 lô đất có tổng diện tích 1243m$^2$ nhà nước thu hồi để bán đấu giá. Ngày 09/10/2021, bà tiếp tục có đơn đề nghị gửi Chủ tịch U với nội dung rút đơn khiếu nại và đề nghị UBND thành phố V giao cho gia đình bà 04 lô đất tại vị trí đất của gia đình bà bị thu hồi. Ngày 22/11/2021, UBND thành phố V có Văn bản 3141 về việc giải quyết đơn của bà X, cụ thể: *"hộ bà Nguyễn Thị X bị thu hồi đất nông nghiệp (đất BHK), không thu hồi đất ở, không phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án nên không đủ điều kiện được giao đất ở*".

Như vậy, sau khi có Quyết định về quy hoạch chi tiết khu tái định cư để xây dựng đường T (đoạn A) tại khu Đ, phường G của UBND tỉnh Phú Thọ, U đã thành lập Hồi đồng bồi thường, hỗ trợ và ban hành Thông báo số 200/17.3.2016 về việc thu hồi đất, đồng thời U đã phối hợp với UBND phường cùng các Ban, Ngành, đoàn thể tổ chức Hội nghị khu dân cư phổ biên quy hoạch, chế độ…các hộ gia đình thuộc diện bị thu hồi đất nhất trí ký tên trong biên bản. Do đó, Ban dự án đã thành lập tổ kiểm đếm, dự kiến phương án bồi thường, xin ý kiến của các hộ và niêm yết công khai tại khu dân cư. Ngày 12/10/2016 các hộ đồng ý nhất trí và gửi lại bản xin ý kiến. Ban dự án đã chi trả tiền bồi thường, hộ bà X đã nhận đủ số tiền 132.394.416đ và không có ý kiến gì. Đồng thời, việc điều chỉnh mục tiêu quy hoạch từ đất ở tái định cư thành đất ở dân cư và việc chuyển đổi mục đích sử dụng và giao đất cho UBND phường G thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở để giao đất và đấu giá quyền sử dụng đất tại khu D, đồi L, phường G đã được cấp có thẩm quyền cho phép (Văn bản 2865/UBND-KT2 ngày 14/7/2014; Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh; Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐND tỉnh).

2. Xét Văn bản số 3141; và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V giao 04 ô đất tại vị trí đất thu hồi cho gia đình bà X.

Như phân tích nêu trên, và trong quá trình tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm, bà X đều xác nhận diện tích đất thu hồi của gia đình bà là đất nông nghiệp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có vật kiến trúc trên đất, chỉ trồng một số cây lâu năm như mít, nhãn…, tại thời điểm kê khai thu hồi đất bà X có đất ở chỗ khác (tổ 1c, khu H - phường G). Do vậy, khi thu hồi đất bà đã có đất ở chỗ khác.

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 về Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định: "*2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất"*

Theo khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 về Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định: "*2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi*

*thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất".*

Theo quy định trên, hộ bà Nguyễn Thị X bị thu hồi đất nông nghiệp (đất BHK), không thu hồi đất ở, không phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án nên không đủ điều kiện được giao đất ở. Do vậy, việc bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V giao 04 ô đất tại vị trí đất thu hồi cho gia đình bà là không có căn cứ.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị X đề nghị tuyên hủy Văn bản số 3141/UBND –TNMT ngày 22/11/2021 của UBND thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân, đề nghị U giao 04 ô đất tại vị trí đất thu hồi cho gia đình bà là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí toà án. Xử:

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu hủy Văn bản số 3141/UBND-TNMT ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân; đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V giao 04 ô đất tại vị trí đất thu hồi cho gia đình bà. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị X được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Hà**